|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | 22/11/2024  28/11/2024 | 22/11/2024  28/11/2024 |
| 30 /10/2024 | **Tiết (TKB)** | 5/4 | 3/1 |
| **Lớp** | 7C | 7E |

**BÀI 4: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**VĂN BẢN 1: THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI**

**TRONG TRUYỆN “ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM”**

----------------

**A. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...), nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của văn bản nghị luận văn học : mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản nghị luận. Ham tìm hiểu và yêu thích văn học

- *Đọc hiểu nội dung:* Nhận biết được nội dung mỗi văn bản thể hiện: Tình cảm cảm của nhà văn Đoàn giỏi trong các sáng tác của mình, tình yêu thiên nhiên, thêm tự hào về vẻ đẹp thiện nhiên và trân quí con người, trân quí tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình trong các tác phẩm văn học.

*- Đọc hiểu hình thức*: Nhận biết đặc trưng thể loại nghị luận ( ý kiến, luận điểm, lý lẽ, dẫn chứng) trong văn bản. Phát hiện và phân tích cách lập luận của giả.

- Liên hệ, mở rộng: Hiểu thêm về tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu quê hương qua văn bản “ Thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam”: hiểu thêm về tình cảm gia đình trong “ Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”, khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người qua “ Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển”.

***2. Về phẩm chất:***Có tình yêu thương con người, biết cảm thông và chia sẻ với người khác.

***3. Mục tiêu dành cho học sinh học hòa nhập:***

*\*Về năng lực:*

*- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm.*

*- Phát triển khả năng tự học qua việc suy ngẫm.*

*- Rèn kĩ năng đọc văn bản.*

*\* Về phẩm chất:*

*- Chăm chỉ: HS có ý thức tốt trong giờ học.*

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà văn Bùi Hồng và tác phẩm “Đất rừng phương Nam”.

- Các phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a.Mục tiêu:** Hoạt động nhằm khởi động **-** kích hoạt kiến thức nền,kết nối kiến thức đã biết với bài học. Qua đó tạo sự hứng thú, tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động học tập của học sinh

\* Mục tiêu cho HSKT: Tạo sự hứng thú, tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động học tập của học sinh.

**b. Nội dung:**- HS quan sát, lắng nghe, trả lời câu hỏi .....

\* Nội dung cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**c. Sản phẩm:**Tất cả HS nắm được nhiệm vụ học tập- chia sẻ được hiểu biết của bản thân.

\* Sản phẩm cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) Cho hs nghe bài hát về vùng đất phương Nam “ Bài ca đất phương Nam” – Tô Thanh Phương? Lời bài hát gợi cho em nhớ tới văn bản nào? Của ai? Em còn nhớ gì về nhân vật chính trong văn bản đó?  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B2**.HS quan sát, lắng nghe và trả lời câu hỏi.  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét ý kiến của bạn?  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn. | Biết lắng nghe, thích thú vào bài mới cùng các bạn. | -Lời bài hát gợi cho em nhớ tới văn bản “ Người đàn ông cô độc giữa rừng” – tác phẩm “ Đất rừng phương Nam” - Đoàn giỏi  - Nhân vật Võ Tòng- một con người mộc mạc giản dị chân thành cởi mở và có lòng yêu nước |

**HĐ2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I.TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a.Mục tiêu: Sau hoạt động này, HS có thể:**

- Phát biểu được đặc điểm của văn bản nghị luận văn học và giá trị nhận thức của văn học.

- Xác định được kiến thức cần tìm hiểu trong SGK: Tiếp cận văn bản, các kiến thức Ngữ văn trong mục “ Kiến thức Ngữ văn” để kết nối vào bài học

\* Mục tiêu cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**b. Nội dung:** HS làm việc với SGK và tham gia trả lời câu hỏi.

\* Nội dung cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**c. Sản phẩm:** Sổ tay văn học, vở ghi

\* Sản phẩm cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**1. Đặc điểm của văn bản nghị luận văn học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**. Đọc phần “ Kiến thức Ngữ văn” SGK. Hãy chia sẻ những hiểu biết về đặc điểm của nghị luận văn học? Giá trị nhận thức của nghị luận văn học?  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B2**.HS suy nghĩ, lựa chọn câu trả lờ  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B3**.Tổ chức cho HS thuyết trình những nội dung thu thập được.  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B4**.Giáo viên tổng hợp, khắc sâu kiến thức.  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | * Đặc điểm của nghị luận văn học   Mục đích: thuyết phục người đọc về một vấn đề văn học  Nội dung: thường tập trung phân tích vẻ đẹp về nội dung hoặc sự độc đáo về hình thức của tác phẩm văn học |

*Ở lớp 6, HS đã biết về mục đích của VB nghị luận thông qua khái niệm VB nghị luận. Ở đây,mục đích của VB nghị luận là để thuyết phục người đọc, người nghe về ý kiến, quan điểm của người viết trước một vấn đề cuộc sống hoặc văn học. Nội dung chính của VB nghị luận là một khái niệm mới, GV cần chú ý giải thích khái niệm và cách xác định nội dung chính của VB nghị luận (dựa vào tri thức đọc hiểu trong SGK).*

*Ở lớp 6, HS đã biết về khái niệm ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB nghị luận và nhận biết các yếu tố này trong những VB nghị luận đơn giản, chỉ có một tầng ý kiến. Tuy vậy, ở một số VB nghị luận cụ thể (đặc biệt là nghị luận văn học), tác giả trình bày ý kiến thành các tầng, bậc, rồi mới triển khai lí lẽ và bằng chứng. Do vậy, để HS có thể đọc hiểu VB nghị luận có hai tầng ý kiến, có thể là khái niệm Ý kiến lớn và ý kiến nhỏ trong VB nghị luận. GV cần kích hoạt kiến thức nền của HS về khái niệm ý kiến, lí lẽ, bằng chứng (đã học trong Ngữ văn 6), sau đó dựa vào phần tri thức đọc hiểu và sơ đồ trong SGK để HS nhận ra khái niệm ý kiến lớn, ý kiến nhỏ.*

**2. Giá trị nhận thức của văn học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) Chia sẻ kiến thức “ Kiến thức Ngữ văn” SGK về giá trị nhận thức của văn học  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B2**.HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu SGK.  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | Giá trị nhận thức của văn học: tác phẩm văn học không chỉ mang lại cho con người hiểu biết về thiên nhiên con người và cuộc sống xã hội mà còn giúp người đọc hiểu chính mình.  Văn học có giá trị nhận thức là muốn khẳng định tác phẩm văn học mang lại hiểu biết cho người đọc. |

*GV lưu ý hs một số giá trị của tác phẩm văn học như giá trị thẩm mĩ*, *giá trị giáo dục…*

**II. Đọc - Tìm hiểu chung**

1.Đọc văn bản 1 kết hợp tìm hiểu thông tin theo định hướng trong hộp chỉ dẫn.

2. Trả lời các câu hỏi trong SGK, phần chuẩn bị theo mẫu.

**PHIẾU SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Nhà văn Bùi Hồng** | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
|  | |
| **2.Những chú ý khi đọc văn bản nghị luận văn học** |
| Cách đọc |
| Thể loại |
| Phương thức biểu đạt: |
| Bố cục |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) HS làm việc dự án cho phiếu số 1  (1)Nêu hiểu biết của em về tác giả?  (2) Gọi HS đọc đoạn 1 và nêu cách đọc văn bản nghị luận  (3) Văn bản viết theo thể loại gì? PTBĐ của văn bản?  (4) Trình bày bố cục của văn bản?  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B2**.HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu SGK.  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | 1. Tác giả: Nhà văn: Bùi Hồng ( 1931- 2012) quê ở Hà Tĩnh  2. Tác phẩm:  - Cách đọc: đọc chậm rãi, rõ ràng , chú ý nhấn giọng ở những câu văn nêu dẫn chứng “ ba ba to bằng cái nia....khiêng nổi” Đọc với giọng tha thiết với những dẫn chứng được trích từ tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”  - Thể loại: Nghị luận văn học  - Phương thức biểu đạt: Nghị luận  - Bố cục: 3 phần  Phần 1: từ đầu...trẻ em🡪 giới thiệu những nét đặc sắc của tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”  Phần 2: tiếp ...vô tận 🡪 nghệ thuật miêu tả cảnh trong Đất rừng phương Nam  Phần 3: còn lại 🡪 nghệ thuật miêu tả con người trong Đất rừng phương Nam |

HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU VĂN BẢN

**III. Đọc - Tìm hiểu chi tiết**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) GV chia nhóm cặp đôi  (1)Văn bản viết về vấn đề gì? Vấn đề đó nằm ở phần nào của văn bản? ( nằm ở nhan đề văn bản)  (2)Nhan đề đã thể hiện vấn đề đó như thế nào? ( thể hiện khái quát vấn đề nghị luận)  (3)Mục đích của văn bản là gì?  (4) Để thuyết phục người đọc hiểu rõ vấn đề nghị luận, tác giả đã làm cách nào  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B2**. HS làm việc theo cặp – sau đó đại diện cặp báo cáo kết quả  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | 1**. Vấn đề nghị luận** trong văn bản:  a. Vấn đề chính: Đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm *Đất rừng phương Nam*.  b. **Mục đích của văn bản:** Cho người đọc thấy được vẻ đẹp của khung cảnh và nghệ thuật miêu tả con người trong tác phẩm. Từ đó, người đọc có được những hiểu biết về con người, thiên nhiên Nam Bộ, khơi gợi sự yêu thích đối với nơi này.  **c. Phương pháp:** để thuyết phục người đọc, người viết đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến.  GV chốt lại bằng sơ đồ tư duy  **2. Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng** |

**Tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng**

**PHIẾU SỐ 2 ( GV cho hs làm ở nhà)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ý kiến** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** |
| Ý kiến 1: |  |  |
| Ý kiến 2 |  |  |
| Ý kiến 3 |  |  |
| Nhận xét đánh giá |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) GV sử dụng kĩ thuật vấn đáp khi cho hs tìm hiểu đoạn 1- sgk (tìm hiểu ý kiến 1). Còn đoạn 2 và 3 GV cho hs sử dụng KT mảnh ghép để tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng – rút ra nhận xét đánh giá  - Chia nhóm lớp.  **Vòng 1**: Nhóm 1,2: tìm hiểu về thiên nhên trong Đất rừng phương Nam  Nhóm 3,4: tìm hiểu về con người trogn Đất rừng phương Nam  **Vòng 2:**  - Tạo nhóm mới  - Giao nhiệm vụ:  Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng 1  Rút ra nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3  - Thời gian: 10 phút  (1)Tìm hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn  (2)Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả?  (3) Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã thể hiện thái độ gì?  **GV hỏi thêm để mở rộng vấn đề**  (4) Trong phần 3 tác giả so sánh hai nhân vật ông Hai bán rắn và chú Võ Tòng. Em hãy chỉ ra điểm giống và khác nhau của hai nhân vật này?   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | *Ông Hai bán rắn* | *Võ Tòng* | | *Giống* | Đều không có đất, quanh năm ở đợ làm thuê cho địa chủ.  - Đều bị cướp công, cướp người yêu, cướp vợ.  - Đều đánh trả và bị tù. | | | *Khác* | Trốn tù, đón vợ rồi bỏ vào rừng U Minh.  - Kiếm sống bằng đủ thứ nghề: câu rắn, lấy mật, săn cá sấu,...  - Gương mặt khoáng đạt, rất dễ mến. Làn da mặt như người trẻ, chỉ ở đôi khóe mắt và trên vầng trán cao là có xếp mấy đường nhăn | - Gây án tự đến nhà việc nộp mình. Mãn hạn tù trở về, con chết, vợ trở thành vợ nhỏ của địa chủ.  - Làm nghề săn bẫy thú.  - Hai hố mắt sâu hoắm, từ trong đáy hố sâu thâm đó, một cặp tròng mắt trắng dã, long qua, long lại, sắc như dao. Mái tóc hung hung như bờm ngựa phủ dài xuống gáy. Chỗ gò má bên phải có năm cái sẹo dài sả xuống từ thái dương vắt đến cổ, như đầu móng cọp cào... |   ***Nhờ có cách so sánh, tác giả đã khắc họa rõ nét hơn đặc điểm của nhân vật trong tác phẩm: hình ảnh ông Hai rắn hiện lên đẹp đẽ, tự do còn chú Võ Tòng hiện lên với tính cách cương trực, mạnh mẽ, dũng cảm và ngoại hình có phần bặm trợn, hung dữ. Tác giả đã phân tích nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc trong tiểu thuyết: có sự kết hợp giữa chuyện thực và chuyện ảo; có sự trộn lẫn giữa cổ điển phương Tây và cổ điển phương Đông. Từ đó, tính cách của nhân vật được làm rõ và qua đó cũng là để khẳng định tài năng của nhà văn Đoàn Giỏi khi xây dựng nhân vật***  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B2**. HS làm việc theo cặp – sau đó đại diện cặp báo cáo kết quả  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  GV chốt lại bằng bảng tổng hợp kiến thức  Chuyển ý: Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã làm rõ được mục đích của văn bản chưa? | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | **2. Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng** \* Ý kiến 1: Đặc điểm khái quát của *Đất rừng phương Nam* - Nhân vật: thuộc nhiều tầng lớp, nhiều ngành nghề.  - Kết cấu chương hồi kiểu truyền thống: không gian, thời gian rạch ròi, nhân vật thiện ác, trắng đen tách bạch và bộc lộ qua hành động, hình dáng, ngôn ngữ.  *=> Tác giả cho người đọc cái nhìn bao quát về những đặc sắc của tác phẩm.*  ***\* Ý kiến 2: Đặc sắc về nghệ thuật miêu tả thiên nhiên trong tác phẩm Đất rừng phương Nam***.   |  |  | | --- | --- | | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | Trong Đất rừng phương Nam, ông chỉ sử dụng một phần rất nhỏ vốn sống phong phú đó mà đã làm người đọc đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. | ba ba to bằng cái nia, kì đà lớn hơn chiếc thuyền tam bản, cá sấu phải 12 trai tráng lực lưỡng mới khiêng nổi. | | Đó là cảm giác ngây ngất trước vẻ đẹp rừng U Minh dưới ánh Mặt Trời vàng óng. | Những thân cây tràm vỏ trắng…xanh thẳm không cùng. | | Và nỗi rợn ngợp trước dòng sông Năm Căn | Nước ầm ầm đổ ra biển…như hai dãy trường thành vô tận… | | Ông không nhiều lời, đôi khi chỉ vài ba nét | Những lời nói ngọt nhạt,…lão Ba Ngù. |   => Những bằng chứng cụ thể, giàu hình ảnh, sinh động, làm sáng tỏ lí lẽ, đem đến ngạc nhiên cho người đọc.  🡪 Tác giả đưa ra những nhận định đúng đắn, giúp người đọc hiểu hơn về vẻ đẹp của *Đất rừng phương Nam*. Để làm sáng tỏ lí lẽ của mình, tác giả nêu rõ những dẫn chứng được trích từ trong tiểu thuyết của Đoàn Giỏi. Chắc hẳn phải rất yêu thích, hiểu rõ về tác phẩm, Bùi Hồng mới có thể đưa ra những nhận định xác đáng và dẫn chứng rõ ràng, thuyết phục như vậy.  ***\* Ý kiến 3: Đặc sắc về nghệ thuật miêu tả con người Nam bộ trong tác phẩm Đất rừng phương Nam.***   |  |  | | --- | --- | | Lí lẽ | Bằng chứng | | - Con người Nam bộ được miêu tả với những nét sắc sảo, lạ lùng. | + Những lời nói ngọt nhạt, cái túi tiền thâm đen, căng phồng, bóng mỡ của dì Tư Béo.  + Cái áo vắt vai và những câu đối thoại ngật ngưỡng, hài hước, dở tỉnh, dở say của lão Ba Ngù. | | - Tác giả khắc họa kĩ lưỡng nhất hai nhân vật: ông Hai bán rắn và chú Võ Tòng | + Giống nhau:  + Khác nhau |   => Tác giả đã phân tích nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc trong tiểu thuyết: có sự kết hợp giữa chuyện thực và chuyện ảo; có sự trộn lẫn giữa cổ điển phương Tây và cổ điển phương Đông. Từ đó, tính cách của nhân vật được làm rõ. |

Giá trị nhận thức của văn bản nghị luận

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) HS làm việc cặp đôi  (1) Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng (trích truyện Đất rừng phương Nam) đã học ở Bài 1?  **(2)** Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" đã giúp em hiểu văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh như thế nào?  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B2**.HS chia sẻ phần ý kiến của mình với bạn bàn dưới  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | **3. Giá trị nhận thức**  - Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được nội dung và mục đích của cuộc gặp gỡ, đối thoại giữa ông Hai và chú Võ Tòng trong đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng (trích truyện Đất rừng phương Nam) đã học ở Bài 1  - Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" đã giúp em hiểu văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh. Cụ thể: Văn bản Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" đã cho em hiểu thêm về đặc điểm thiên nhiên và tính cách con người Nam Bộ vùng châu thổ Cửu Long Giang. Từ đó văn bản khơi gợi trong lòng người đọc tình cảm yêu mến với mảnh đất này. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) HS làm việc cặp đôi  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam”?  ? Qua giờ học, em rút ra bài học gì khi khám phá một tác phẩm nghị luận văn học và giá trị nhận thức sau khi học văn bản nghị luận văn học.  (4) Trình bày bố cục của văn bản?  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B2**.HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu SGK.  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học:  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | **III. Tổng kết** 1. Nghệ thuật - Lí lẽ xác đáng, thuyết phục.  - Dẫn chứng cụ thể, rõ ràng.  - Ngôn ngữ giản dị, giàu cảm xúc.  **2. Nội dung**  Văn bản phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi.  **3. Những lưu ý khi đọc hiểu văn bản nghị luận văn học**  - Xác định vấn đề nghị luận  - Hiểu mục đích của văn bản viết để làm gì?  - Chỉ rõ hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản như thế nào?  - Liên hệ và rút ra bài học nhận thức sau khi học văn bản nghị luận để thấy được văn bản đã giúp em hiểu thêm về văn bản được phân tích và chính văn bản nghị luận này. |

**3. HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

\* Mục tiêu cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

\* Nội dung cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**1. Đoạn trích trên viết về vấn đề gì?**

A. Phân tích giá trị nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”

B. Kể chuyện về vùng đất phương Nam

C. Miêu tả về vùng đất phương Nam

D. Giới thiệu về nhà văn Đoàn Giỏi

**2. Vì sao văn bản “Thiên nhiên và con người trong truyện "Đất rừng phương Nam" là văn bản nghị luận?**

A. Vì văn bản tập trung miêu tả vùng đất phương Nam

B. Vì tác giả kể về cái hay cái đẹp của văn bản “ Người đàn ông cô độc giữa rừng”

C. Vì tác giả giúp người đọc hiểu người đàn ông cô độc là ai

D. Vì tác giả phân tích cái hay về nghệ thuật và nội dung của tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”

**3. Theo em mục đích chính của người viết đoạn trích trên là gì”?**

A. Ca ngợi Võ Tòng

B. Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên vùng đất phương Nam

C. Nêu lên cách xây dựng nhân vật của tác giả Đoàn Giỏi

D. Chỉ ra cái hay của tác phẩm “ Đất rừng phương Nam”

**4. Người viết đã bày tỏ cảm xúc về tác phẩm qua câu văn nào?**

A. Nhân vật trong Đất rừng phương Nam có nhiều tầng lớp, nhiều ngành nghề như một xã hội thu nhỏ

B. Đoàn Giỏi đã từng viết một loạt sách về các con vật trên rừng dưới biển…

C. Người đọc không chỉ ngạc nhiên mà còn thấm đẫm cảm xúc bởi Đoàn Giỏi là một nhà thơ, một thi sĩ của đất rừng phương Nam.

D. Cả ba ý trên đều đúng

**c) Sản phẩm:**  Câu 1: A; Câu 2: D; Câu 3: D; Câu 4: C

\* Sản phẩm cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Chiếu bài tập  **HS:** Đọc yêu cầu của bài và lựa chọn đáp án  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.  - HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.  \* HSKT: Quan sát, lắng nghe thầy cô và các bạn. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. |  |

**4. HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

\* Mục tiêu cho HSKT: không

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

\* Nội dung cho HSKT: không

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

\* Sản phẩm cho HSKT: không

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**  ? Viết một đoạn văn bày tỏ quan điểm của em khi có ý kiến cho rằng “ Tác giả Bùi Hồng đã phân tích cái hay của tác phẩm Đất rừng phương Nam bằng cách đưa ra được các bằng chứng rất thuyết phục. Em có đồng ý với ý kiến đó không?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản (đặc biệt là những chi tiết kể/tả về Võ Tòng…  **HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet  **HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn… | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. |  |

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ:**

- Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngày soạn** | **Dạy** | **Ngày** | 28/11/2024  29/11/2024 | 28/11/2024  29/11/2024 |
| 30 /10/2024 | **Tiết (TKB)** | 5/4 | 2/1 |
| **Lớp** | 7C | 7E |

**VĂN BẢN 2: “VẺ ĐẸP CỦA BÀI THƠ TIẾNG GÀ TRƯA"**

**A.MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm .

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...), nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của văn bản nghị luận văn học : mối quan hệ giữa đặc điểm và mục đích của văn bản nghị luận. Ham tìm hiểu và yêu thích văn học

- *Đọc hiểu nội dung:* Nhận biết được nội dung mỗi văn bản thể hiện: Tình cảm cảm của nhà văn Đoàn giỏi trong các sáng tác của mình, tình yêu thiên nhiên, thêm tự hào về vẻ đẹp thiện nhiên và trân quí con người, trân quí tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình trong các tác phẩm văn học.

*- Đọc hiểu hình thức*: Nhận biết đặc trưng thể loại nghị luận ( ý kiến, luận điểm, lý lẽ, dẫn chứng) trong văn bản. Phát hiện và phân tích cách lập luận của giả.

- Liên hệ, mở rộng: Hiểu thêm về tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu quê hương qua văn bản “ Thiên nhiên và con người trong truyện Đất rừng phương Nam”: hiểu thêm về tình cảm gia đình trong “ Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”, khát vọng chinh phục thiên nhiên của con người qua “ Sức hấp dẫn của tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển”.

***2. Về phẩm chất:***Có tình yêu thương con người, biết cảm thông và chia sẻ với người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà nghiên cứu Đinh Trọng Lạc và tác phẩm “Tiếng gà trưa”, “Tuyển tập thơ Xuân Quỳnh”.

- Các phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**TIẾT ….**

**HĐ 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a.Mục tiêu:** Huy động kiến thức nền,kết nối kiến thức đã biết với bài học; tạo sự hứng thú, tâm thế sẵn sàng tham gia hoạt động học tập của học sinh.

\* Mục tiêu cho HSKT: Tạo sự hứng thú cho học sinh.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “Món quà bí mật” gồm 4 câu hỏi. Trả lời chính xác câu hỏi, HS được nhận phần quà (Điểm tốt, cộng điểm, tràng pháo tay...)

\* Nội dung cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời chính xác của HS

\* Sản phẩm cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1** GV tổ chức trò chơi “Món quà bí mật”  ?1 Mục đích chính của nghị luận văn học là gì?  ?2 Nội dung của bài nghị luận văn học là gì?  ?3 Các yếu tố của bài NLVH là gì?  ?4 (Từ một bức tranh) Bức tranh này gợi em nhớ đến bài thơ nào em đã học?  **B2**.HS quan sát, lắng nghe và trả lời câu hỏi.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học | Biết lắng nghe, thích thú vào bài mới cùng các bạn. | - Mục đích của NLVH: Thuyết phục người đọc về một vấn đề văn học.  - Nội dung của NLVH: Phân tích vẻ đẹp nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm  - Các yếu tố của bài NLVH: ý kiến, lí lẽ, bằng chứng  - Bài thơ “Tiếng gà trưa” của tác giả Xuân Quỳnh. |

**HĐ2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. Đọc - Tìm hiểu chung**

**a.Mục tiêu:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu kiến thức chung về tác giả Đinh Trọng Lạc và tác phẩm “Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa” (Xuất xứ, thể loại, PTBĐ, bố cục).

\* Mục tiêu cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ tìm hiểu tại nhà theo nhóm 4 người, thảo luận và trả lời Phiếu học tập số 1.

\* Nội dung cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**c. Sản phẩm:** Bản thuyết trình của HS về sản phẩm đã thảo luận tại nhà.

\* Sản phẩm cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1.** – GV hướng dẫn HS đọc văn bản. Cách đọc: to, rõ ràng, diễn cảm ở những khổ thơ là dẫn chứng trong bài.  - GV giao nhiệm vụ nghiên cứu PHT số 1 ở tiết trước. Mời các nhóm xung phong thuyết trình kết quả.  **B2**. HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu tại nhà.  **B3**. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | 1. Tác giả: Nhà nghiên cứu: Đinh Trọng Lạc (1928- 2000) quê ở Hà Nội.  2. Tác phẩm:  a. Xuất xứ: Bài viết được in trong sách “Vẻ đẹp ngôn ngữ văn học qua các bài tập đọc lớp 4, 5”  b. Thể loại: Nghị luận văn học  c. Phương thức biểu đạt: Nghị luận  d. Bố cục: 4 phần  - Phần 1: từ đầu...tuổi thơ🡪 Vẻ đẹp khổ thơ thứ nhất  - Phần 2: tiếp ...vui sướng 🡪 Vẻ đẹp khổ thơ thứ hai  - Phần 3: tiếp...của bà 🡪 Vẻ đẹp của sáu dòng thơ đặc biệt trong bài  - Phần 4: Còn lại🡪 Vẻ đẹp khổ cuối. |

**II. Đọc - Tìm hiểu chi tiết**

**a. Mục tiêu:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm văn bản nghị luận văn học “Vẻ đẹp của bài thơ Tiếng gà trưa”; đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ “Tiếng gà trưa”, nghệ thuật viết văn nghị luận của tác giả Đinh Trọng Lạc.

**\* Mục tiêu cho HSKT:** Quan sát thầy cô và các bạn.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm tại lớp, đại diện trình bày kết quả thảo luận.

\* Nội dung cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và Bản thuyết trình thảo luận nhóm.

\* Sản phẩm cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1** (1) GV chia nhóm cặp đôi  (1) Văn bản viết về vấn đề gì? Vấn đề đó nằm ở phần nào của văn bản? (nằm ở nhan đề văn bản)  (2) Nhan đề đã thể hiện vấn đề đó như thế nào? (Thể hiện khái quát vấn đề nghị luận)  (3) Bài thơ “Tiếng gà trưa” được tác giả phân tích theo trình tự nào?  (4) Mục đích của văn bản là gì?  (5) Để thuyết phục người đọc hiểu rõ vấn đề nghị luận, tác giả đã làm cách nào  **B2**. HS làm việc theo cặp – sau đó đại diện cặp báo cáo kết quả  **B3**. Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**. Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | **1. Đặc điểm kiểu bài nghị luận văn học của văn bản**  **a. Vấn đề nghị luận:** Đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ “Tiếng gà trưa”.  **b. Trình tự nghị luận:** Bám sát mạch cảm xúc bài thơ “Tiếng gà trưa”. Cảm xúc được bắt nguồn từ âm thanh tiếng gà khơi nguồn nỗi nhớ về tuổi thơ, kí ức về người bà; cảm xúc được tiếp nối bằng kỉ niệm và cảm xúc biết ơn, yêu kính bà; cuối cùng lắng đọng ở mục đích chiến đấu cao đẹp của người chiến sĩ ở khổ thơ cuối.  **c.** **Mục đích của văn bản:** Giúp người đọc hiểu được sự độc đáo nghệ thuật (ngôn từ, biện pháp tu từ, nhịp điệu) và nét đặc sắc nội dung (tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước) của bài thơ “Tiếng gà trưa”. Từ đó, văn bản khơi gợi và bồi dưỡng cho người người đọc tình yêu đối với tác phẩm văn chương và tình cảm gia đình cao quý,  **d. Phương pháp nghị luận:** để thuyết phục người đọc, người viết đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến.  GV chốt lại bằng sơ đồ tư duy |

**Tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1** (1) GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm (gồm 6 bạn) để tìm hiểu hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3  - Thời gian: 10 phút  (1)Tìm hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn  (2)Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả?  (3) Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã thể hiện thái độ gì?  **B2**. HS làm việc theo nhóm – sau đó đại diện nhóm báo cáo kết quả  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**. Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức  GV chốt lại bằng bảng tổng hợp kiến thức  **GV phát vấn cá nhân HS, mở rộng, nâng cao kiến thức.**  (4) Trong văn bản, tác giả đã rất chú trọng phân tích hình thức nghệ thuật ( từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ) để làm nổi bật nội dung bài thơ. Em học hỏi được điều gì từ cách viết của tác giả để cảm nhận và phân tích vẻ đẹp của một bài thơ?  (5) Qua hệ thống ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong từng đoạn, em thấy tác giả đã đạt được mục đích của văn bản nghị luận văn học chưa? Vì sao?  → *GV mời HS trả lời. GV nhận xét, chốt kiến thức.* | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | **2. Hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng** \* Ý kiến 1: Vẻ đẹp của khổ thơ thứ nhất  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Đặc sắc về***  ***nghệ thuật*** | ***Đặc sắc về***  ***nội dung*** | | **Lí lẽ** | Khổ thơ có nhiều nét đặc sắc độc đáo về lặp âm, dấu chấm lửng, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. | Khổ thơ thứ nhất là nguồn mạch cảm xúc của bài thơ, âm thanh tiếng gà khơi gợi nỗi nhớ về tuổi thơ, về bà kính yêu. | | **Dẫn chứng** | + Dòng thơ thứ tư “Cục..cục tác cục ta”: phép lặp âm, dấu chấm lửng + tác dụng..  + So sánh âm thanh “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh với âm thanh tiếng gà trong thơ Trần Đăng Khoa.  + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác + tác dụng. | “Khổ thơ đầu kể chuyện anh bộ đội trên đường hành quân, khi dừng chân bên một xóm nhỏ, nghe tiếng gà nhảy ổ”... “Tiếng gà cũng làm kí ức ta quay lại với những kỉ niệm tuổi thơ”. |   ***\* Ý kiến 2: Vẻ đẹp của khổ thơ thứ hai***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Đặc sắc về***  ***nghệ thuật*** | ***Đặc sắc về***  ***nội dung*** | | **Lí lẽ** | Khổ thơ có nhiều nét đặc sắc về nghệ thuật so sánh, đảo ngữ, kết hợp tự sự và miêu tả, kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng khiến lời thơ ấn tượng, góp phần thể hiện cảm xúc trong bài. Những kỉ niệm trở nên lung linh, hấp dẫn và sống động. | Tiếng gà trưa đã gợi về trong tâm hồn người cháu – người chiến sĩ những kỉ niệm tuổi thơ thiếu thốn, khó khăn sống bên bà những đong đầy niềm vui lấp lánh. | | **Dẫn chứng** | + Mỗi câu kể là một câu tả...  + Câu thơ kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng “này” để chỉ và người nghe lưu ý tưởng tượng  + So sánh, đảo ngữ làm cho bức tranh gà mái vàng trở nên đẹp đẽ | “Tiếng gà trưa đã đưa anh chiến sĩ trở lại kỉ niệm về người bà tần tảo, suốt đời lo toan để người cháu được vui sướng”. |   ***\* Ý kiến 3: Vẻ đẹp của sáu dòng thơ đặc biệt trong bài***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Đặc sắc về***  ***nghệ thuật*** | ***Đặc sắc về***  ***nội dung*** | | **Lí lẽ** | Khổ thơ có nét độc đáo về nhịp điệu chậm, buồn và cấu trúc để thể hiện cảm xúc mênh mang, mang nặng suy tư, chiêm nghiệm của người cháu khi nghĩ về bà, tình yêu thương của bà. | Sáu dòng thơ là những độc thoại trong tâm hồn người cháu, giàu chất suy tưởng khi người cháu nhận ra, suy ngẫm về tình yêu thương, sự tần tảo, lo lắng hi sinh của bà dành cho mình | | **Dẫn chứng** | + Sáu dòng thơ chỉ làm thành một câu đơn  + Mỗi dòng chỉ gồm năm tiếng nhưng có cách ngắt nhịp khác dòng kia. | “Nhịp điệu khổ thơ là nhịp điệu chậm rãi của độc thoại, bên trong đầy chất suy tưởng... Chi tiết nhỏ bé thế, đơn giản là thế mà chứa đựng một tình yêu thương sâu sắc, vô bờ bến của bà” |   ***\* Ý kiến 4: Vẻ đẹp của khổ thơ cuối: “Khổ thơ cuối là hay nhất, cảm động nhất”***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | ***Đặc sắc về***  ***nghệ thuật*** | ***Đặc sắc về***  ***nội dung*** | | **Lí lẽ** | Khổ thơ có lời độc thoại đầy cảm xúc của người chiến sĩ và điệp ngữ “Vì” | Khổ thơ cuối thể hiện những tình cảm cao đẹp nhất, mục đích chiến đấu của người chiến sĩ: vì tình yêu với bà, với xóm làng, với Tổ quốc và vì tình yêu với tuổi thơ, với tiếng gà bình yên mỗi sớm mai. | | **Dẫn chứng** | + Anh chiến sĩ thốt lên tiếng gọi cảm động, làm cho lời nói độc thoại bên trong hiển hiện như lời đối thoại sống động...  + Việc lặp lại từ “Vì” ở đầu các dòng thơ đã góp phần thể hiện... | + Khổ thơ cuối chứa đựng “những tình cảm thiêng liêng, cao quý, sâu sắc và chân thành”  + Khổ thơ cuối thể hiện “ý chí chiến đấu mạnh mẽ vì Tổ quốc, vì nhân dân, những người thân yêu trong gia đình, người bà yêu quý với bao kỉ niệm tuổi thơ” |   ***→ Nhận xét: Lời văn giàu cảm xúc, bám sát đặc trưng văn bản thơ; lí lẽ và dẫn chứng giàu sức thuyết phục.*** |

Giá trị nhận thức của văn bản nghị luận

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1**(1) HS làm việc cặp đôi  (1) Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về bài thơ “Tiếng gà trưa” đã học ở Bài 2?  **(2)** Văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” đã bồi đắp tâm hồn em như thế nào?  **B2**. HS thảo luận nhóm đôi.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | **3. Giá trị nhận thức**  - Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được đặc sắc nghệ thuật và nội dung bài thơ “Tiếng gà trưa” (Đã học ở Bài 2)  - Văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” đã bồi đắp tâm hồn em về tình cảm gia đình, tình cảm bà cháu, tình yêu Tổ quốc, quê hương; tạo động lực để em tiếp tục học tập và cống hiến. |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** GV hướng dẫn HS khái quát đặc sắc nghệ thuật và nội dung của văn bản.

**\* Mục tiêu cho HSKT:** Quan sát thầy cô và các bạn.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ HS hoạt động cá nhân, trình bày kết quả suy nghĩ.

\* Nội dung cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

\* Sản phẩm cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **B1** GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân.  *? Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện đặc sắc nghệ thuật và nội dung của văn bản?*  *? Trình bày hiểu biết của em khi đọc hiểu văn bản nghị luận văn học?*  **B2**.HS chia sẻ phần tự học, nghiên cứu SGK.  **B3**.Tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá ý kiến của bạn?  **B4**.Giáo viên tổng hợp, kết nối bài học: | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. | **III. Tổng kết** 1. Nghệ thuật - Lí lẽ xác đáng, thuyết phục.  - Dẫn chứng cụ thể, rõ ràng.  - Ngôn ngữ giản dị, giàu cảm xúc.  **2. Nội dung**  Văn bản phân tích giá trị nghệ thuật và nội dung bài thơ “Tiếng gà trưa”.  **3. Những lưu ý khi đọc hiều văn bản nghị luận văn học**  - Xác định vấn đề nghị luận  - Xác định mục đích văn bản nghị luận  - Chỉ rõ hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Chỉ rõ tác dụng của hệ thống ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phục vụ cho mục đích của văn bản.  - Liên hệ và rút ra bài học nhận thức sau khi học văn bản nghị luận để thấy được văn bản đã giúp em hiểu thêm về văn bản được phân tích và chính văn bản nghị luận này. |

**3. HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

\* Mục tiêu cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

\* Nội dung cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS.

\* Sản phẩm cho HSKT: Quan sát thầy cô và các bạn.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS: Có ý kiến cho rằng “Văn bản Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa” là một văn bản nghị luận giàu sức thuyết phục”. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao? Em hãy viết đoạn văn ngắn trình bày quan điểm của mình.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Chiếu bài tập  **HS:** Đọc yêu cầu của bài thực hiện viết bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời HS đọc bài, chấm chữa.  - GV mời HS khác nhận xét bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS, nhận xét, rút kinh nghiệm. | Có tham gia vào hoạt động và nhận biết được kiến thức. |  |

**4. HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

\* Mục tiêu cho HSKT: không

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

\* Nội dung cho HSKT: không

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

\* Sản phẩm cho HSKT: không

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**  ? Em hãy trình bày suy nghĩ của em về vẻ đẹp một bài thơ em yêu thích.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản.  **HS** tự chọn ngữ liệu, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** giao nhiệm vụ kiểm tra ở tiết học sau.  **HS** thực hiện nhiệm vụ tại nhà.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV kiểm tra vào tiết học hôm sau. |  |  |

**\* HƯỚNG DÂN VỀ NHÀ:**

- Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “Thực hành Tiếng Việt”